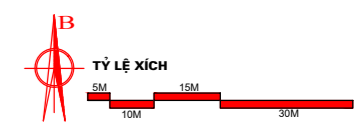


**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT**  
TỶ LỆ: 1/500



**BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT**

HỌ TÊN	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M <sup>2</sup> )	TỶ LỆ (%)	MẬT ĐỘ (T/HA)	TẦNG CAO (TẦNG)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT
1	ĐẤT Ở CŨ	OC	87.374.91	14.91%			
2	ĐẤT Ở BIỆT THỰ	OB	3.937.91	6.61%			
2.1	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (8-10 L) (L)	OB1	174.80	0.29%	70	≤3	2.1
2.2	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (11-15 L) (L)	OB2	372.20	0.63%	70	≤3	2.2
2.3	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (16-20 L) (L)	OB3	890.60	1.52%	70	≤3	2.3
2.4	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (21-25 L) (L)	OB4	1.999.70	3.43%	70	≤3	2.4
2.5	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (26-30 L) (L)	OB5	1.182.20	2.05%	70	≤3	2.5
2.6	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (31-35 L) (L)	OB6	1.260.50	2.19%	70	≤3	2.6
2.7	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (36-40 L) (L)	OB7	4.182.00	7.25%	70	≤3	2.7
2.8	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (41-45 L) (L)	OB8	3.789.70	6.58%	70	≤3	2.8
2.9	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (46-50 L) (L)	OB9	3.789.70	6.58%	70	≤3	2.9
2.10	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (51-55 L) (L)	OB10	3.960.70	6.89%	70	≤3	2.10
2.11	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (56-60 L) (L)	OB11	3.960.70	6.89%	70	≤3	2.11
2.12	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (61-65 L) (L)	OB12	3.457.90	6.02%	70	≤3	2.12
2.13	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (66-70 L) (L)	OB13	1.775.70	3.10%	70	≤3	2.13
2.14	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (71-75 L) (L)	OB14	4.177.90	7.31%	70	≤3	2.14
2.15	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (76-80 L) (L)	OB15	4.312.50	7.51%	70	≤3	2.15
2.16	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (81-85 L) (L)	OB16	3.960.70	6.89%	70	≤3	2.16
2.17	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (86-90 L) (L)	OB17	2.975.50	5.19%	70	≤3	2.17
2.18	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (91-95 L) (L)	OB18	2.965.50	5.17%	70	≤3	2.18
2.19	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (96-100 L) (L)	OB19	2.965.50	5.17%	70	≤3	2.19
2.20	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (101-105 L) (L)	OB20	1.337.70	2.34%	70	≤3	2.20
2.21	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (106-110 L) (L)	OB21	890.60	1.55%	70	≤3	2.21
2.22	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (111-115 L) (L)	OB22	1.744.00	3.05%	70	≤3	2.22
2.23	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (116-120 L) (L)	OB23	1.954.10	3.40%	70	≤3	2.23
2.24	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (121-125 L) (L)	OB24	2.418.70	4.22%	70	≤3	2.24
2.25	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (126-130 L) (L)	OB25	2.418.70	4.22%	70	≤3	2.25
2.26	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (131-135 L) (L)	OB26	1.201.10	2.10%	70	≤3	2.26
2.27	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (136-140 L) (L)	OB27	3.460.20	6.03%	70	≤3	2.27
2.28	ĐẤT Ở BIỆT THỰ (141-145 L) (L)	OB28	3.460.20	6.03%	70	≤3	2.28
3	ĐẤT NHÀ VĂN HÓA	NVH	898.8	1.57%	40	≤2	8.9
4	ĐẤT TRƯỜNG HỌC MẦM NON	MMN	2.968.5	5.17%	40	≤2	8.4
5	ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON	MMN	18.188.8	31.93%	70	≤15	10.0
6.1	ĐẤT SỐ 1	TMS1	9.391.1	16.41%	70	≤12	1.0
6.2	ĐẤT SỐ 2	TMS2	4.859.2	8.48%	70	≤12	1.2
6.3	ĐẤT SỐ 3	TMS3	7.594.9	13.24%	70	≤12	1.0
6.4	ĐẤT SỐ 4	TMS4	2.746.0	4.80%	70	≤12	1.0
6.5	ĐẤT SỐ 5	TMS5	2.746.0	4.80%	70	≤12	1.0
7	ĐẤT AN NINH - QUỐC PHÒNG	TKP	3.676.4	6.41%	40	≤2	1.0
8.1	ĐẤT CÔNG AN	CA	3.974.9	6.93%	70	≤3	1.0
8.2	ĐẤT CÔNG AN	LQ-GST	3.974.9	6.93%	70	≤3	1.0
9	ĐẤT CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ	CCDT	12.834.4	22.37%	70	≤12	8.4
10.1	ĐẤT SỐ 1	CCS1	4.918.3	8.61%	70	≤12	8.4
10.2	ĐẤT SỐ 2	CCS2	3.911.0	6.85%	70	≤12	8.4
10.3	ĐẤT SỐ 3	CCS3	4.918.3	8.61%	70	≤12	8.4
11	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ	CXD	4.844.8	8.48%			
12	ĐẤT CÂY XANH TRÁNG	CXT	1.861.3	3.31%	5	≤1	8.0
13	ĐẤT CÔNG VIÊN CÁCH LY	CVCK	11.864.2	21.02%			
14	ĐẤT CÔNG VIÊN CÁCH LY	CVCK	11.864.2	21.02%			
15	ĐẤT MẶT NƯỚC	MNC	9.862.0	17.27%			
16	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY	CXCL	12.846.0	22.84%			
17	ĐẤT CÔNG VIÊN NGHĨA TRANG	CVNT	28.863.7	51.03%			
18	ĐẤT MẶT XE	P	4.481.1	8.00%			
19	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	HTKT	8.453.7	15.07%			
20	ĐẤT CHỢ TRADING VÀ ĐẤT KHÁC	TK	186.451.3	331.4%			
			<b>TỔNG DIỆN TÍCH LẬP QUY HOẠCH</b>	<b>485.871.81</b>	<b>100%</b>		

PHƯỜNG QUẢNG THỊ  
PHƯỜNG QUẢNG THUẬN

- CHỮ THÍCH BẢN VẼ:**
- ĐẤT Ở CŨ
  - ĐẤT Ở BIỆT THỰ
  - ĐẤT Ở LIÊN KẾ
  - B 1 ĐỖ XE
  - ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
  - CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ
  - ĐẤT NHÀ VĂN HÓA
  - ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON
  - ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở
  - ĐẤT CÂY XANH THỂ THAO
  - ĐẤT CÂY XANH CÔNG VIÊN
  - ĐẤT MẶT NƯỚC
  - CÔNG VIÊN NGHĨA TRANG
  - CÂY XANH CÁCH LY
  - ĐẤT CÔNG AN
  - HẠ TẦNG KỸ THUẬT (R3)
  - ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ
  - ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐỐI NGOÀI
  - RANH GIỚI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH**
  - RANH GIỚI PHƯỜNG, X**

- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG VỚI ĐỘ CAO TRÊN 28M
  - CHỈ GIỚI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (PHẦN TRÊN ĐẤT)
  - TÌM ĐƯỜNG
  - CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- A: KÝ HIỆU KHU ĐẤT**  
**B: DIỆN TÍCH KHU ĐẤT (M<sup>2</sup>)**  
**C: TẦNG CAO (TẦNG)**  
**D: MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (TỐI ĐA %)**
- A': KÝ HIỆU KHU ĐẤT**  
**B': DIỆN TÍCH KHU ĐẤT (M<sup>2</sup>)**  
**C': DIỆN TÍCH ĐẤT HTKT (M<sup>2</sup>)**  
**D': TẦNG CAO (TẦNG)**  
**E: MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (TỐI ĐA %)**  
**F: SỐ LÔ ĐẤT Ở LIÊN KẾ**
- A'': KÝ HIỆU KHU ĐẤT**  
**B'': DIỆN TÍCH KHU ĐẤT (M<sup>2</sup>)**

**BẢNG 2.B: MẬT ĐỘ XÂY DỰNG THUẬN TỐI ĐA CỦA LÔ ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở RIÊNG LẺ**  
(QCVN 01:2019/BXD)

DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M <sup>2</sup> /CÁN NHÀ)	≤80	100	200	300	500	≥1000
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)	100	80	70	60	50	40

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐÔ THỊ TẠI KHU VỰC TRUNG TÂM THỊ XÃ BA ĐỒN, TỶ LỆ 1/500

**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT**

BẢN VẼ: QH-02; GHIẾP: 4 A0; TỶ LỆ: 1/500; HT: .../.../2021

THIẾT KẾ	KTS. BÙ THỤ PHƯƠNG
	KTS. NGUYỄN ANH ĐỨC
CHỦ TRÌ	KTS. NGÔ THANH HẢI
CHỦ NHIỆM	KTS. NGÔ THANH HẢI
QL KỸ THUẬT	THS.KTS NGUYỄN ĐĂNG MẠNH HOÀNG

VIỆN TRƯỞNG

THS.KS. PHAM XUÂN THẢO

**SỞ XÂY DỰNG QUẢNG BÌNH**  
**VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG QUẢNG BÌNH**  
 ĐIA CHỈ: ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU CẢNH, THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH  
 ĐIỆN THOẠI: 093 282078; 034 403 20108; EMAIL: QUOCHONG@GMAIL.COM